TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HS-ST
Ngày: 08/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hải Vinh
Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Khuông Văn Thông
Ông Hoàng Văn Thành
Ông Nguyễn Hoàng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 8/9/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2023/TLST-HS ngày 24/7/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXXST-HS ngày 22/8/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đăng Q;** Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh năm 1956;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/10;

Họ và tên bố: Trần Đăng T3 (đã chết);

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T4 (đã chết);

Gia đình có 06 anh em, bản thân là thứ hai;

Họ và tên các vợ: Đồng Thị Ngọt, sinh năm 1958 (đã ly hôn), Đồng Thị N5, sinh năm 1957 (đã ly hôn), Đồng Thị K6, sinh năm 1962 (đã ly hôn);

Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1981, con nhỏ nhất sinh năm 1994;

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Đăng Q:* Luật sư Ong Thị T1, luật sư Ngô Thị T2 - Văn phòng luật sư Vũ Anh H3- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

Địa chỉ: đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị hại:*Bà Trịnh Thị D, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trịnh Thị D:* Ông Trần Thanh B3, bà Nguyễn Thị M3 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang. (Bà M3 có mặt, ông B3 có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Trần Đăng B, sinh năm 1958. (chồng bị hại D) (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Đồng Văn C, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã Nghĩa H, huyện L, tỉnh Bắc Giang

3. Đàm Đức T, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Trần Đăng C1, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

5. Trần Ngọc D1, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

6. Hà Thị Kim D3, sinh năm 1985. (vợ anh H) (có mặt)

Nơi ĐKHKTT: xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

7. Nguyễn Quang H, sinh năm 1985. (có mặt)

Nơi ĐKHKTT: phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

8. Đồng Thị Kim O, sinh năm 1993. (hiệu thuốc K) (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

9. Phạm Thị N, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Trần Đăng Q, sinh năm 1956 ở thôn Đ, xã N, huyện L là anh chồng của

bà Trịnh Thị D, sinh năm 1965 ở cùng thôn gần nhà nhau. Trong quá trình sinh sống, Q cho rằng gia đình bà D chăn nuôi gia súc thải phân dẫn đến mùi hôi thối ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình mình. Khoảng cuối tháng 6/2021, cá ở ao nhà Q có hiện tượng chết không rõ nguyên nhân. Sự việc trên, Q nghĩ do nhà bà D gây nên. Từ đó, Q nảy sinh ý định sẽ đánh bà D để trả thù.

Khoảng hơn 17 giờ ngày 26/6/2021, khi Q đang ở nhà mình thì thấy bà D đội mũ bảo hiểm điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đen chở bao dứa đựng dưa chuột để trên giá đèo hàng sau xe đi ra khỏi nhà. Quý lấy 01 gậy gỗ là cán chổi dạng tròn, dài khoảng hơn 01 m, một đầu nhọn, có đóng 01 đinh xuyên qua và 01 con dao quắm cán bằng tre từ nhà mình mang ra sườn đường phải (tính theo hướng đi về nhà bà D) cạnh vườn chuối ở gần nhà mình, ngồi đợi bà D quay về để đánh. Q để con dao quắm nằm dưới bụi chuối, gậy gỗ để ở sát bên phải chỗ Q ngồi.

Một lúc sau, Q thấy bà D đi xe mô tô về nhà, khi bà D đi đến vị trí cách chỗ Q ngồi đợi khoảng 05m thì Q dùng tay phải cầm gậy (cầm phần đầu gậy không có đinh) đi về phía bà D. Bà D phát hiện ra Q thì đi chậm lại, điều khiển xe mô tô sang trái để tránh. Q đi đến dùng tay trái giữ đầu xe của bà D. Bà D đỗ xe lại, ngồi trên yên, chân chống xuống đường. Q dùng tay phải cầm gậy vụt ngang từ phải sang trái, chếch chéo lên trên vào phần mặt bà D. Bà D bỏ tay khỏi tay lái xe làm xe đổ nghiêng trái xuống đường rồi ngã nằm úp trên ruộng cỏ sát bên trái đường. Q dùng hai tay cầm gậy vụt nhiều nhát vào vùng đầu (lúc này bà D đội mũ bảo hiểm), vai, gáy bà D. Sau đó, Q vứt gậy cạnh chỗ bà D nằm rồi đi đến vườn chuối lấy con dao quắm chạy quay lại chỗ bà D nằm. Lúc này, bà D đang đứng dậy trong tư thế khom người, tay phải hơi giơ lên. Q đứng đối diện cách khoảng 1,5m, hai tay cầm dao quắm chém từ trên xuống dưới, từ trước về sau vào cẳng tay phải, bả vai trái bà D. Bà D tiến sát Q dùng tay trái cầm cán dao giằng co với Q. Q dùng lực hai tay đẩy cán dao về phía bà D theo hướng từ trước về sau làm bà D ngã nằm ngửa trên ruộng cỏ. Q tiếp tục dùng hai tay cầm dao quắm chém vào bả vai phải của bà D theo hướng từ trên xuống dưới. Thấy bà D bị thương ở tay phải, chảy nhiều máu thì Q dừng lại và cầm dao quắm đi về nhà. Bà D bị thương tích đã được mọi người phát hiện đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang, Bệnh viện Việt Đức Hà Nội. Đến ngày 19/7/2021, bà D được xuất viện về nhà.

Cùng ngày 26/6/2021, Trần Đăng Q đến Công an xã N đầu thú vào giao nộp: 01 con dao quắm dài 1,14m, phần dao bằng kim loại dài 39cm, có một lưỡi sắc bản rộng 05cm, cán dao bằng tre dài 75cm đường kính 04cm; 01 ví da màu đen; 01 thẻ bảo hiểm y tế mã số CB224421957179; 01 điện thoại di động Nokia vỏ màu đen, số seri 3573810406000044. (BL 169-194, 199-226, 498-525).

Khám nghiệm hiện trường thu giữ những đồ vật sau:

- 01 gậy gỗ dài 112,5cm, đường kính 2,9cm, một đầu nhọn, cách vị trí đầu nhọn 8,5cm được đóng một đinh sắt dài 6,5cm xuyên qua gậy, gậy bị nứt vỡ một phần dọc theo thân dài 32cm, trên phần nứt vỡ có bám dính vật chất màu nâu đỏ kích thước (13x5) cm, tâm dấu vết này cách đầu nhọn 42cm;

- 01 mũ bảo hiểm màu xanh bạc và 01 đôi dép màu hồng đen, trên dép có bám dính cỏ và đất;

- 01 giá để hàng bằng kim loại dạng hình chữ nhật kích thước (dài 54cm x rộng 38cm x cao 39cm);

- 01 bát inox ở trạng thái úp. (BL 24-57).

Ngày 30/6/2021, anh Trần Ngọc H8, sinh năm 1989 ở thôn Đ, xã N, huyện L giao nộp: 01 xe mô tô Honda Wave S màu đen xám, biển kiểm soát: 98M1-139.35; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98M1-139.35; 01 giấy phép lái xe mô tô số M219990 mang tên Trần Đăng Q. Anh H8 trình bày các đồ vật, tài sản trên được bị cáo Trần Đăng Q gửi nhờ anh H8 giữ hộ.

Ngày 11/11/2021, anh Hà Văn G, sinh năm 1964 ở thôn Đ, xã N, huyện L giao nộp: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B316074 mang tên Trần Đăng Q do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 22/6/1993; 01 giấy chuyển quyền thừa kế tài sản (viết tay) có chữ ký cùng họ tên của Trần Đăng Q; 02 giấy chuyển nhượng sổ đỏ ruộng đất canh tác lâu năm có xác nhận của ông Đồng Khắc C4; 01 giấy chuyển nhượng có chữ ký cùng họ tên của ông Đồng Khắc B6 và xác nhận của ông Đồng Khắc H7; 01 biên bản chuyển giấy tờ của gia đình ông Trần Đăng Q có chữ ký cùng họ tên của ông Hà Văn G và Phan Thị B8. Các giấy tờ trên bị cáo Trần Đăng Q gửi bà Phan Thị B8, sinh năm 1961 ở thôn V, xã N, huyện L để chuyển cho con gái của bị cáo Q. Tuy nhiên sau đó, bà B8 đã giao nộp các giấy tờ trên cho anh Hà Văn G (trưởng thôn) và anh G đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra.

Tại giấy chứng nhận thương tích số 135 ngày 29/6/2021 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức xác định thương tích ban đầu của bà D: Vết thương chẩm (3x1) cm; Vết thương má trái (3x1) cm; Gãy răng cửa hàm dưới; 02 vết thương vai trái và vai phải (3x4) cm; Vết thương đứt gần rời 1/3 giữa cẳng tay phải.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 115/21/TgT ngày 05/7/2021 của Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà Trịnh Thị D do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 43% (bốn mươi ba phần trăm). Chưa đánh giá tổn thương nối gân gấp nông sâu, gân gấp ngón cái dài, các cơ gấp cổ tay trụ, quay, cơ duỗi cổ tay quay. (BL 67-68).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 242/21/TgT ngày 21/9/2021 của Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà Trịnh Thị D do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 58% (năm mươi tám phần trăm).

- Cơ chế hình thành thương tích:

+ Các thương tích: Mỏm cụt 1/3 cẳng tay phải, vết sẹo vai trái, vết sẹo vai phải do vật sắc gây nên.

+ Các thương tích: Chạm thương vùng chẩm không còn dấu vết, khuyết răng 42 do vật tày gây nên.

+ Thương tích vết sẹo má trái không xác định được cơ chế gây thương tích.

- Vật gửi giám định gây được thương tích cho bà Trịnh Thị D, cụ thể:

+ Chiếc gậy gỗ gửi giám định gây được các thương tích: Chạm thương vùng chẩm không còn dấu vết, khuyết răng 42.

+ Con dao gửi giám định gây được các thương tích: Mỏm cụt 1/3 cẳng tay phải, vết sẹo vai trái, vết sẹo vai phải. Không xác định được vết sẹo má trái do vật gì gây nên. (BL 74-76)

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 365/21/TgT ngày 09/12/2021, Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Chiều hướng gây thương tích:

+ Các thương tích: Mỏm cụt 1/3 giữa cẳng tay phải, vết sẹo vai trái chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước về sau.

+ Thương tích vết sẹo vai phải từ trên xuống dưới.

+ Các thương tích: Khuyết răng 42, vết sẹo má trái chiều hướng từ trái sang phải.

+ Thương tích chạm thương vùng chẩm không còn dấu vết từ trên xuống dưới.

- Một người dùng tay phải cầm một gậy gỗ dài 112,5cm, đường kính 2,9cm, có một đầu nhọn và có một đinh sắt dài 06 cm xuyên qua gậy, vụt ngang từ phải sang trái chếch chéo từ dưới lên trên, phần đầu đinh ở phần đầu gậy tiếp xúc sượt vùng má trái dưới mắt trái của một người đang ngồi trên xe mô tô trong tư thế đứng đối diện gây được vết thương má trái như thương tích của bà Trịnh Thị D.

Tại Bản kết luận giám định số 6813/C09-TT3 ngày 30/9/2021, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Dấu vết vật chất màu nâu đỏ thu trên chiếc gậy gỗ ở tại hiện trường là máu người và là máu của bà Trịnh Thị D.

Tại bản kết luận giám định số 1494/KL-KTHS ngày 29/8/2022 của Phòng

kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Chiếc gậy gỗ gửi giám định có khối lượng 342 gam.

- Dấu vết nứt, gãy trên chiếc gậy gửi giám định được hình thành do tác động với vật cản (có đặc điểm tày, cứng) tạo nên là phù hợp. Không có căn cứ khoa học để xác định vết nứt, gãy có trước hay sau khi xảy ra vụ việc cố ý gây thương tích.

- Dấu vết mài trượt sơn, bám dính chất màu nâu tại mặt ngoài mũ bảo hiểm gửi giám định (vị trí cách tâm mép dưới phần sau mũ 11,5cm; cách chốt kim loại gắn dây mũ bên phải 10,5cm) phù hợp với dấu vết mài trượt gỗ, bám dính chất màu xanh trên gậy gỗ gửi giám định (vị trí cách đỉnh đầu nhọn 26cm).

- Dấu vết mài trượt sơn, rách decal tại mặt ngoài mũ bảo hiểm gửi giám định (vị trí cách tâm mép dưới phần sau mũ 7,5cm; cách chốt kim loại gắn dây mũ bên phải 13cm) phù hợp với dấu vết mài trượt gỗ, bám dính chất màu nâu đỏ trên gậy gỗ gửi giám định (vị trí cách đỉnh đầu nhọn 29cm).

- 02 dấu vết mài trượt sơn, nhựa, song song nhau tại mặt ngoài mũ bảo hiểm (vị trí cách tâm mép dưới phần sau mũ 15cm; cách chốt kim loại gắn dây mũ bên phải 11,5cm) được hình thành do va chạm với vật tày, cứng, có cạnh tạo nên. Chiếc đinh trên đầu gậy, gậy và con dao quắm gửi giám định không tạo ra được dấu vết trên.

- Không đủ căn cứ khoa học để xác định lực tác động với tình huống sau: Nếu một người dùng gậy, dao trên tấn công vào đầu một người đang đội mũ bảo hiểm trên mà để lại dấu vết trên mũ bảo hiểm thì có xác định được lực tấn công không. (BL 83).

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện L và Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Giang bị cáo Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên và thực nghiệm điều tra phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra vụ án.

Tại bản cáo trạng số 47/CT-VKS- P2 ngày 21/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang để xét xử bị cáo Trần Đăng Q về tội "Giết người", theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đăng Q khai Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo về tội "Giết người" theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là nặng, bị cáo phạm tội Cố ý gây thương tích. Về tài sản vật chứng giấy tờ tùy thân đề nghị HĐXX cho bị cáo xin lại. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại nhưng nay chưa có điều kiện.

Người bị hại bà D trình bày bị cáo khai không đúng, bị cáo dùng dao chém nhiều nhát vào đầu, các vết thương trên người bị hại là do bị cáo gây ra.

Kết luận giám định bị hại nhất trí. Về hình phạt đề nghị HĐXX xử đúng người đúng tội. Về bồi thường đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nhân chứng ông Trần Đăng B khai ông ở cách nơi xảy ra đánh nhau hơn 100m. Khi ông đến nơi đã đánh nhau xong và thấy bà D nằm dưới đất chảy nhiều máu. Ông sơ cứu rồi đưa bà D đi cấp cứu.

Nhân chứng anh Nguyễn Quang H chứng kiến từ đầu bị cáo vụt liên tiếp vào đầu nhiều nhát rồi cầm dao quay lại chém bà Dung nhưng anh không rõ chém vào đâu.

Nhân chứng chị Hà Thị Kim D3 trình bày: Bị cáo dùng gậy đánh sau lấy dao chém, không rõ chém vào đâu, sau đó chị ra đường gọi mọi người đưa bà Dung đi cấp cứu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

a) Về trách nhiệm hình sự:

- *Hình phạt chính:*

Áp dụng Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Đăng Q từ 12 năm đến 12 năm 6 tháng tù về tội "Giết người", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/6/2021.

1.2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- *Hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

b) Về bồi thường dân sự:

Áp dụng Điều 584, 592 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Trần Đăng Q bồi thường cho bà D số tiền từ 247 triệu đồng đến 250 triệu đồng.

c) Về vật chứng vụ án:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu tiêu huỷ vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, tài sản không còn giá trị, giá trị sử dụng gồm:

- 01 (một) gậy gỗ dài 112,5cm, đường kính 2,9cm, có một đầu nhọn, cách vị trí đầu nhọn 8,5cm được đóng một đinh sắt dài 06cm xuyên qua gậy, gậy bị nứt vỡ một phần dọc theo thân dài 03cm, trên phần nứt vỡ có bám dính vật chất màu nâu đỏ, kích thước (13x5) cm, tâm dấu vết này cách đầu nhọn 42cm được niêm phong trong túi ni lông có dán giấy niêm phong có chữ ký của Lê Văn H9, Nguyễn Cao S và đóng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang;

- 01 (một) dao quắm dài 1,14m, phần dao bằng kim loại dài 39cm, lưỡi sắc, bản dao rộng 05cm, cán dao bằng tre dài 75cm có đường kính 04cm được niêm phong trong túi ni lông có dán giấy niêm phong có chữ ký của Lê Văn H9, Nguyễn Cao S và đóng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang;

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh bạc được niêm phong trong 01 hộp bìa cát tông có dán giấy niêm phong có chữ ký họ và tên Lê Văn H9, Nguyễn Cao S và đóng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang;

- 01 (một) ví da màu đen cũ đã qua sử dụng;

Trả lại Trần Đăng Q giấy tờ cá nhân gồm:

- 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mã số CB224421957179;

- 01 (một) túi niêm phong mã số PS2 2010679, bên trong có 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B316074 mang tên Trần Đăng Q do UBND huyện L cấp ngày 22/6/1993; 01 (một) giấy chuyển quyền thừa kế tài sản (bản viết tay) có chữ ký và họ tên của Trần Đăng Q; 01 (một) giấy ủy quyền; 02 (hai) giấy chuyển nhượng sổ đỏ ruộng đất canh tác lâu năm có xác nhận của ông Đồng Khắc C6; 01 (một) giấy chuyển nhượng có chữ ký cùng họ tên của ông Đồng Khắc B5 và xác nhận của ông Đồng Khắc H7; 01 (một) biên bản chuyển giấy tờ của gia đình ông Trần Đăng Q có chữ ký cùng họ tên của ông Hà Văn G, bà Phan Thị B8;

Trả lại Trần Đăng Q tài sản sau, nhưng tạm giữ đảm bảo thi hành án gồm:

- 01 (một) điện thoại di động Nokia vỏ màu đen, số seri 3573810406000044 được đựng trong một phong bì thư dán kín niêm phong bằng dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện L và chữ ký cùng tên của Phan Văn C5, Hoàng Văn Đ, Vũ Văn Đ1, Trần Đăng Q, ký hiệu "Điện thoại của Trần Văn Q";

- 01 (một) xe mô tô Honda Wave S màu đen – xám biển kiểm soát 98M1-139.35, xe đã qua sử dụng, chất lượng không kiểm tra;

- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98M1-139.35;

- 01 (một) giấy phép lái xe mô tô số M219990 mang tên Trần Đăng Q.

d) Về án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH bị cáo Trần Đăng Q miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm do bị cáo là người cao tuổi./.

Luật sư Ong Thị T1 bào chữa cho bị cáo Q: Về tội danh Luật sư nhất trí với cáo trạng truy tố. Còn bị cáo khai mục đích chỉ là gây thương tích cho bà Dung sợ là do nhận thức của bị cáo. Bị cáo khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý thức chối tội. Bị cáo đầu thú, phạm tội chưa đạt, có thời gian phục vụ trong quân đội, tuổi cao, sống một mình. Đề nghị xử phạt bị cáo mức khởi điểm khung hình phạt. Về trách nhiệm dân sự, đồng tình với đề nghị của Viện kiểm sát.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại: Đề nghị HĐXX không áp dụng tình tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo do bị cáo không thành khẩn. Về tội danh: nhất trí với cáo trạng truy tố. Về hình phạt đề nghị xử nghiêm bị cáo theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị HĐXX buộc bị cáo bồi thường mức cao hơn Viện kiểm sát đề nghị.

* Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không đề nghị gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang, của Điều tra viên; củaViện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã được tống đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai của những người này nên việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1, Điều 292 và khoản 1, Điều 293- Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, bản tự khai, biên bản kiểm tra, biên bản khám xét, vật chứng thu giữ được, kết luận giám định vật chứng, lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa đã có đủ cơ sở kết luận:

Trần Đăng Q cho rằng gia đình bà Trịnh Thị D phá hoại hoạt động sản xuất, chăn nuôi của mình nên đã nảy sinh ý định đánh bà D để trả thù. Khoảng hơn 17 giờ ngày 26/6/2021, tại khu vực đường dân sinh thuộc thôn Đ, xã N, huyện L, Q có hành vi dùng 01 gậy gỗ dài 112,5cm, đường kính 2,9cm, một đầu

nhọn có đóng một đinh sắt dài 6,5cm xuyên qua gậy và 01 con dao quắm dài 1,14m, phần dao bằng kim loại dài 39cm, có một lưỡi sắc bản rộng 05cm, cán dao bằng tre dài 75cm đường kính 04cm là hung khí nguy hiểm đánh, chém vào vùng đầu, vai trái, vai phải, cẳng tay phải bà D dẫn đến hậu quả đứt gần rời cẳng tay phải; thương tích má trái, mất răng, vai trái, vai phải gây thương tích là 58%. Bà D không chết là được cứu chữa kịp thời. Hành vi của Trần Đăng Q là phạm tội giết người thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Bị cáo khai chỉ phạm tội "Cố ý gây thương tích" là do nhận thức, do vậy, không có căn cứ chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, coi thường pháp luật. Chỉ vì nghi ngờ không có căn cứ bị cáo đã thực hiện hành vi dùng gậy gỗ một đầu có đóng đinh nhọn và dao quắm là hung khí nguy hiểm chém nhiều nhát vào vùng đầu, vai trái, vai phải, cẳng tay phải bà D để trả thù, hành vi phạm tội của bị cáo là có tính chất côn đồ..

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi phạm tội của bị cáo xâm hại tính mạng, sức khỏe của người khác. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Đăng Q phạm tội "Giết người" với tình tiết tăng nặng định khung "Có tính chất côn đồ", vi phạm điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ pháp luật.

[4]. Về căn cứ quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy:

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội ra đầu thú quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại điều 52 của Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên, đánh giá về nhân thân, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly bị cáo với xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật. Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt; nên khi quyết định hình phạt áp dụng theo quy định tại Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Trịnh Thị D yêu cầu Trần Đăng Q phải bồi thường 1.261.100.000 đồng, gồm các khoản thiệt hại: Tiền viện phí, tiền thuốc điều trị tại các bệnh viện là:

44.500.000 đồng; Tiền mất thu nhập của người bệnh: 53 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, tổng là 10.600.000 đồng; Tiền mất thu nhập của một người nuôi tại bệnh viện: 23 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, tổng là 4.600.000 đồng; Tiền thuê xe ô tô đi cấp cứu, khám chữa bệnh: 3.000.000 đồng; Tiền thuốc trong những ngày nằm viện và những ngày điều trị tại nhà: 53 ngày, mỗi ngày 1.000.000 đồng, tổng là 53.000.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần: 60 tháng lương cơ bản là 89.400.000 đồng; Tiền làm bàn tay giả: 40.000.000 đồng; Tiền làm 04 răng giả: 16.000.000 đồng; Tiền mất thu nhập do không lao động được: 01 tỷ đồng. Tại phiên tòa bà yêu cầ bồi thường các khoản theo quy định của pháp luật.

HĐXX xét thấy: Đối với các khoản tiền gồm: Tiền viện phí, tiền thuốc điều trị tại các bệnh viện là: 44.500.000 đồng; Tiền mất thu nhập của người bệnh là 10.600.000 đồng; Tiền mất thu nhập của một người nuôi tại bệnh viện là 4.600.000 đồng; Tiền thuê xe ô tô đi cấp cứu, khám chữa bệnh: 3.000.000 đồng bị hại yêu cầu bồi thường đối với các khoản tiền này là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường tiền thuốc trong những ngày nằm viện và những ngày điều trị tại nhà là 53.000.000 đồng: Căn cứ theo hóa đơn và xác minh tiền thuốc điều trị tại nhà sau khi ra viện thì tiền thuốc điều trị là 6.410.000 đồng, do đó, chỉ có căn cứ buộc bị cáo cầu bồi thường 6.410.000 đồng tiền thuốc điều trị.

Đối với yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền tổn thất tinh thần 89.400.000 đồng, HĐXX xét thấy: Căn cứ Điều 590 Bộ luật dân sự, thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá 50 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Do thương tích bị cáo gây ra là 58% nên chỉ có căn cứ chấp nhận mức bồi thường 50 tháng lương x 1.800.000 đồng = 90.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiền mất thu nhập không lao động được là 1.000.000.000 đồng. HĐXX xét thấy tại phiên tòa bị hại trình bày sau khi bị cáo gây thương tích bản thân bị hại chỉ làm được những công việc nhẹ sức lao động bị giảm sút không còn như trước. Xét thấy mức bị hại yêu cầu lá quá cao so với quy định của pháp luật nên chỉ có căn cứ chấp nhận một phần khoản tiền giảm sút thu nhập của bị hại là 65.890.000 đồng.

Đối với các khoản tiền bị hại yêu cầu gồm: Tiền làm bàn tay giả 40.000.000 đồng; tiền làm 04 răng giả: 16.000.000 đồng. HĐXX xét thấy hiện nay bị hại chưa làm răng giả và lắp bàn tay giả, phía bị hại không cung cấp tài liệu chứng cứ nào để chứng minh khoản tiền trên là có căn cứ hợp pháp, tại phiên tòa bị cáo đề nghị khi nào bị hại làm hết số tiền cụ thể bao nhiêu có hóa đơn chứng từ kèm theo mới đồng ý bồi thường. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết, thiệt hại các khoản tiền này được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi bị hại có đơn yêu cầu và cung cấp các tài liệu chứng cứ kèm theo.

Ngoài ra theo quy định của pháp luật bị hại có quyền yêu cầu bồi thường đối với khoản tiền bồi dưỡng chung phục hồi sức khỏe trong thời gian bị hại đã

nằm viện điều trị và sau khi ra viện cần chấp nhận buộc bị cáo bồi thường 30.000.000 đồng là phù hợp.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015 chỉ có căn cứ chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại các khoản thiệt hại tổng cộng số tiền là 255.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về vật chứng:

- Đối với 01 (một) dao quắm dài 1,14m, phần dao bằng kim loại dài 39cm, lưỡi sắc, bản dao rộng 05cm, cán dao bằng tre dài 75cm có đường kính 04cm được niêm phong trong túi ni lông có dán giấy niêm phong có chữ ký của Lê Văn H9, Nguyễn Cao S và đóng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang; 01 (một) gậy gỗ dài 112,5cm, đường kính 2,9cm, có một đầu nhọn, cách vị trí đầu nhọn 8,5cm được đóng một đinh sắt dài 06cm xuyên qua gậy, gậy bị nứt vỡ một phần dọc theo thân dài 03cm, trên phần nứt vỡ có bám dính vật chất màu nâu đỏ, kích thước (13x5)cm, tâm dấu vết này cách đầu nhọn 42cm được niêm phong trong túi ni lông có dán giấy niêm phong có chữ ký của Lê Văn H9, Nguyễn Cao S và đóng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang) là tang vật của vụ án nay cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình.

- Đối với 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh bạc được niêm phong trong 01 hộp bìa cát tông có dán giấy niêm phong có chữ ký họ và tên Lê Văn H9, Nguyễn Cao S và đóng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang là tang vật của vụ án, đã hết giá trị sử dụng, bà Trịnh Thị D không có yêu cầu được trả lại nay cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 01 (một) ví da màu đen cũ đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mã số CB224421957179; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô số M219990 mang tên Trần Đăng Q; 01 (một) túi niêm phong mã sỗ PS2 2010679, bên trong có 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B316074 mang tên Trần Đăng Q do UBND huyện L cấp ngày 22/6/1993; 01 (một) giấy chuyển quyền thừa kế tài sản (bản viết tay) có chữ ký và họ tên của Trần Đăng Q; 01 (một) giấy ủy quyền; 02 (hai) giấy chuyển nhượng sổ đỏ ruộng đất canh tác lâu năm có xác nhận của ông Đồng Khắc C6; 01 (một) giấy chuyển nhượng có chữ ký cùng họ tên của ông Đồng Khắc B5 và xác nhận của ông Đồng Khắc H7; 01 (một) biên bản chuyển giấy tờ của gia đình ông Trần Đăng Q có chữ ký cùng họ tên của ông Hà Văn G, bà Phan Thị B8 là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nay cần trả lại bị cáo.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động Nokia vỏ màu đen, số seri 3573810406000044 được đựng trong một phong bì thư dán kín niêm phong bằng dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện L và chữ ký cùng tên của Phan

Văn C5, Hoàng Văn Đ, Vũ Văn Đ1, Trần Đăng Q, ký hiệu "Điện thoại của Trần Văn Q"; 01 (một) xe mô tô Honda Wave S màu đen – xám biển kiểm soát 98M1-139.35, xe đã qua sử dụng, chất lượng không kiểm tra; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát: 98M1-139.35 cần trả lại bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Trần Đăng Q do là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm

[8] Về quyền kháng cáo: Người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 15; Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Đăng Q 12 năm tù về tội "Giết người". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 27/6/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 590; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Đăng Q phải bồi thường cho bà Trịnh Thị D tổng số tiền là **255.000.000** đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

*** Tịch thu tiêu huỷ:**

- 01 (một) gậy gỗ dài 112,5cm, đường kính 2,9cm, có một đầu nhọn, cách vị trí đầu nhọn 8,5cm được đóng một đinh sắt dài 06cm xuyên qua gậy, gậy bị nứt vỡ một phần dọc theo thân dài 03cm, trên phần nứt vỡ có bám dính vật chất màu nâu đỏ, kích thước (13x5)cm, tâm dấu vết này cách đầu nhọn 42cm được niêm phong trong túi ni lông có dán giấy niêm phong có chữ ký của Lê Văn H9, Nguyễn Cao S và đóng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang;

- 01 (một) dao quắm dài 1,14m, phần dao bằng kim loại dài 39cm, lưỡi sắc, bản dao rộng 05cm, cán dao bằng tre dài 75cm có đường kính 04cm được niêm phong

trong túi ni lông có dán giấy niêm phong có chữ ký của Lê Văn H9, Nguyễn Cao S và đóng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang;

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh bạc được niêm phong trong 01 hộp bìa cát tông có dán giấy niêm phong có chữ ký họ và tên Lê Văn H9, Nguyễn Cao S và đóng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang;

*** Trả lại bị cáo Trần Đăng Q:**

- 01 (một) ví da màu đen cũ đã qua sử dụng;

- 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế mã số CB224421957179;

- 01 (một) túi niêm phong mã sỗ PS2 2010679, bên trong có 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B316074 mang tên Trần Đăng Q do UBND huyện L cấp ngày 22/6/1993; 01 (một) giấy chuyển quyền thừa kế tài sản (bản viết tay) có chữ ký và họ tên của Trần Đăng Q; 01 (một) giấy ủy quyền; 02 (hai) giấy chuyển nhượng sổ đỏ ruộng đất canh tác lâu năm có xác nhận của ông Đồng Khắc C6; 01 (một) giấy chuyển nhượng có chữ ký cùng họ tên của ông Đồng Khắc B5 và xác nhận của ông Đồng Khắc H7; 01 (một) biên bản chuyển giấy tờ của gia đình ông Trần Đăng Q có chữ ký cùng họ tên của ông Hà Văn G, bà Phan Thị B8;

- 01 (một) giấy phép lái xe mô tô số M219990 mang tên Trần Đăng Q.

- 01 (một) điện thoại di động Nokia vỏ màu đen, số seri 3573810406000044 được đựng trong một phong bì thư dán kín niêm phong bằng dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện Lạng G và chữ ký cùng tên của Phan Văn C, Hoàng Văn Đ, Vũ Văn Đ1, Trần Đăng Q, ký hiệu "Điện thoại của Trần Văn Q";

- 01 (một) xe mô tô Honda Wave S màu đen – xám biển kiểm soát 98M1-139.35, xe đã qua sử dụng, chất lượng không kiểm tra và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98M1-139.35 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo Trần Đăng Q.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang
- Bị cáo, người bào chữa;
- Người TGTT;
- Lưu HS, TT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Vinh